

Số: 1943/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấm thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ I năm học 2015-2016
Bậc đào tạo: Cao đẳng – Khóa 2014

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Thông báo số 1806/TB-LTT-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc tính điểm học phần bậc đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nảy cấm thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ I năm học 2015-2016 của sinh viên cao đẳng – Khóa 2014 gồm: 285 sinh viên (danh sách đính kèm).

Điều 2. Các sinh viên bị cấm thi kết thúc học phần nào thì phải nhận điểm “0” của học phần đó để tính điểm học phần và phải đăng ký học lại để trả nợ học phần.

Điều 3. Các Phòng, Khoa và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P. TS-QT-GTVL.

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Dinh Văn Dê

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KỲ THI CHÍNH)
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015 - 2016
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHÓA 2014

(Kèm theo Quyết định số: 1943 /QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dũng	14CĐ-ĐT1	Những NLCB của CNML 2	39 / 45	86.67%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	26 / 30	86.67%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
2	Trần Kim Hòa	14CĐ-ĐT1	Những NLCB của CNML 2	39 / 45	86.67%	
			Kỹ thuật số	22 / 30	73.33%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	26 / 30	86.67%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
3	Huỳnh Cẩm Kiệt	14CĐ-ĐT1	Anh văn 2	18 / 30	60.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	16 / 30	53.33%	
4	Nguyễn Thế Phương	14CĐ-ĐT1	Những NLCB của CNML 2	39 / 45	86.67%	
			Kỹ thuật số	22 / 30	73.33%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	26 / 30	86.67%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
5	Nguyễn Doãn Thắng	14CĐ-ĐT1	Kỹ thuật truyền số liệu	10 / 30	33.33%	
6	Nguyễn Ngọc Thiện	14CĐ-ĐT1	Những NLCB của CNML 2	39 / 45	86.67%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	30 / 30	100.00%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
7	Lâm Đức Toàn	14CĐ-ĐT1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	26 / 30	86.67%	
			Anh văn 2	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	30 / 30	100.00%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
8	Phạm Tiến Anh	14CĐ-ĐT2	Kỹ thuật số	12 / 30	40.00%	
9	Nguyễn Bảo Duy	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	20 / 30	66.67%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
10	Huỳnh Tấn Hiệp	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
11	Nguyễn Đình Duy Khương	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
12	Nguyễn Thiều Lâm	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
13	Trần Trương Ngọc	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	21 / 45	46.67%	
14	Trần Văn Ngự	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
15	Huỳnh Thế Sơn	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	27 / 45	60.00%	
16	Nguyễn Hoàng Thắng	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
17	Nguyễn Văn Tiến	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	10 / 30	33.33%	
18	Phan Minh Trí	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
19	Nguyễn Thanh Truyền	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
20	Phạm Ngọc Tú	14CĐ-ĐT2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
21	Nguyễn Đình Đại	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
22	Trương Thành Đạt	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	27 / 45	60.00%	
			Anh văn 2	20 / 30	66.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	12 / 30	40.00%	
23	Phan Xuân Đức	14CĐ-Đ1	Anh văn 2	10 / 30	33.33%	
24	Trần Vũ Hải Hồ	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	22 / 30	73.33%	
			Anh văn 2	24 / 30	80.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	26 / 30	86.67%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
25	Lê Đức Hòa	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
26	Vũ Thái Hòa	14CĐ-Đ1	Anh văn 2	12 / 30	40.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	10 / 30	33.33%	
27	Lê Nhật Hưng	14CĐ-Đ1	Anh văn 2	10 / 30	33.33%	
28	Hoàng Quốc Duy Khương	14CĐ-Đ1	Kỹ thuật số	14 / 30	46.67%	
29	Nguyễn Hữu Lộc	14CĐ-Đ1	Kỹ thuật số	14 / 30	46.67%	
			Anh văn 2	14 / 30	46.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	16 / 30	53.33%	
30	Nguyễn Ngô Đình Long	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
31	Trần Thanh Mộng	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
32	Nguyễn Trọng Nghĩa	14CĐ-Đ1	Kỹ thuật truyền số liệu	10 / 30	33.33%	
33	Đoàn Lê Trọng Nhân	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	24 / 30	80.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
34	Phạm Văn Thái	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	26 / 30	86.67%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
35	Mai Hữu Thiện	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
36	Trần Đức Thuận	14CĐ-Đ1	Kỹ thuật số	14 / 30	46.67%	
37	Nguyễn Văn Tiến	14CĐ-Đ1	Anh văn 2	14 / 30	46.67%	
38	Nguyễn Minh Tính	14CĐ-Đ1	Anh văn 2	12 / 30	40.00%	
39	Nguyễn Quốc Toàn	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	24 / 30	80.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	26 / 30	86.67%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
40	Giáp Đức Trung	14CĐ-Đ1	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	22 / 30	73.33%	
			Anh văn 2	20 / 30	66.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	24 / 30	80.00%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
41	Trần Văn An	14CĐ-Đ2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
42	Phạm Văn Anh	14CĐ-Đ2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
43	Hoàng Anh Dũng	14CĐ-Đ2	Những NLCB của CNML 2	21 / 45	46.67%	
			Khí cụ điện và máy điện	27 / 45	60.00%	
			Kỹ thuật số	20 / 30	66.67%	
			Anh văn 2	10 / 30	33.33%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
44	Phan Hoàng Hào	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	39 / 45	86.67%	
			Khí cụ điện và máy điện	42 / 45	93.33%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
45	Tôn Thất Hòa	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	27 / 45	60.00%	
			Khí cụ điện và máy điện	30 / 45	66.67%	
			Kỹ thuật số	20 / 30	66.67%	
			Anh văn 2	16 / 30	53.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
46	Nguyễn Minh Hoàng	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
47	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
48	Bích Thanh Na	14CD-Đ2	Kỹ thuật số	18 / 30	60.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
49	Nguyễn Thanh Quy	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
50	Phạm Đức Tài	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
51	Phan Thanh Thiên	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	42 / 45	93.33%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
52	Nguyễn Hữu Thuận	14CD-Đ2	Khí cụ điện và máy điện	15 / 45	33.33%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
53	Hồ Minh Tuấn	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	45 / 45	100.00%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
54	Thường Hữu Ý	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	39 / 45	86.67%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
55	Đào Duy Yên	14CD-Đ2	Những NLCB của CNML 2	39 / 45	86.67%	
			Khí cụ điện và máy điện	45 / 45	100.00%	
			Kỹ thuật số	30 / 30	100.00%	
			Anh văn 2	28 / 30	93.33%	
			Kỹ thuật truyền số liệu	28 / 30	93.33%	
			Điện tử công suất	30 / 30	100.00%	
56	Huỳnh Phúc Quang Bình	14CD-NL1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
57	Nguyễn Trần Ngọc Cảnh	14CD-NL1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Truyền nhiệt	27 / 45	60.00%	
58	Nguyễn Đình Minh Huy	14CD-NL1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Nhiệt	30 / 30	100.00%	
			Truyền nhiệt	27 / 45	60.00%	
59	Nguyễn Hoàng Nhân	14CD-NL1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Nhiệt	30 / 30	100.00%	
			Truyền nhiệt	27 / 45	60.00%	
60	Phạm Nguyễn Tấn Phát	14CD-NL1	Anh văn chuyên ngành CNKT Nhiệt	11 / 30	36.67%	
61	Nguyễn Xuân An	14CD-CK1	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
62	Huỳnh Ngọc Bảo	14CD-CK1	Autocad (2D)	20 / 30	66.67%	
			Vật liệu học	14 / 30	46.67%	
			Cơ ứng dụng	32 / 45	71.11%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
63	Thiên Bá Love	Boy	14CĐ-CK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%
				Autocad (2D)	24 / 30	80.00%
				Vật liệu học	24 / 30	80.00%
				Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	24 / 30	80.00%
64	Nguyễn Văn	Ca	14CĐ-CK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%
				Autocad (2D)	24 / 30	80.00%
				Vật liệu học	24 / 30	80.00%
				Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	26 / 30	86.67%
65	Nguyễn Phương	Đài	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	26 / 45	57.78%
66	Nguyễn Vĩnh	Đạt	14CĐ-CK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%
				Cơ ứng dụng	26 / 45	57.78%
67	Vũ Minh	Đức	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%
68	Trương Ngọc	Dũng	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	15 / 45	33.33%
69	Nguyễn Văn	Hải	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%
70	Nguyễn Công	Hậu	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	24 / 45	53.33%
71	Nguyễn Tấn	Hiệp	14CĐ-CK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%
				Autocad (2D)	20 / 30	66.67%
				Vật liệu học	18 / 30	60.00%
				Cơ ứng dụng	33 / 45	73.33%
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	24 / 30	80.00%
72	Trương Minh	Hiếu	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	15 / 45	33.33%
73	Đoàn Văn	Hương	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%
74	Nguyễn Đức	Huy	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	27 / 45	60.00%
75	Trịnh Ngọc	Huy	14CĐ-CK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%
				Autocad (2D)	20 / 30	66.67%
				Vật liệu học	18 / 30	60.00%
				Cơ ứng dụng	33 / 45	73.33%
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	20 / 30	66.67%
76	Phạm Thanh	Liên	14CĐ-CK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%
				Autocad (2D)	24 / 30	80.00%
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%
				Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	24 / 30	80.00%
77	Phó Đại	Luôn	14CĐ-CK1	Cơ ứng dụng	24 / 45	53.33%
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	12 / 30	40.00%
78	Đỗ Hoàng	Phúc	14CĐ-CK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%
				Cơ ứng dụng	39 / 45	86.67%
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	26 / 30	86.67%

THÀNH
TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT
LIÊN TỈNH
TP. HỒ CHÍ MINH

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
79	Nguyễn Văn	Phước	14CD-CK1	Vật liệu học	20 / 30	66.67%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	12 / 30	40.00%	
80	Phạm Hoài	Phương	14CD-CK1	Cơ ứng dụng	21 / 45	46.67%	
81	Trịnh Văn	Quý	14CD-CK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	26 / 30	86.67%	
82	Huỳnh Kim	Châu	14CD-CK2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
				Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	24 / 30	80.00%	
83	Vũ Đoàn Thế	Hải	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	22 / 45	48.89%	
84	Huỳnh Ngọc	Hiếu	14CD-CK2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
				Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	24 / 30	80.00%	
85	Nguyễn Công	Hoàng	14CD-CK2	Vật liệu học	18 / 30	60.00%	
				Cơ ứng dụng	27 / 45	60.00%	
86	Nguyễn Hoàng	Lâm	14CD-CK2	Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	10 / 30	33.33%	
87	Phan Sỹ	Lâm	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
88	Trần Tấn	Lộc	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	21 / 45	46.67%	
89	Võ Văn	Lớn	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
90	Lại Tiến	Minh	14CD-CK2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
				Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	26 / 30	86.67%	
91	Trần Thiện	Minh	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	14 / 30	46.67%	
92	Trần Thanh	Nhàn	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
93	Võ Minh	Phát	14CD-CK2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
				Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
				Cơ ứng dụng	33 / 45	73.33%	
94	Trần Tấn	Phú	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	15 / 45	33.33%	
95	Hồ Tấn	Sang	14CD-CK2	Autocad (2D)	20 / 30	66.67%	
				Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	22 / 30	73.33%	

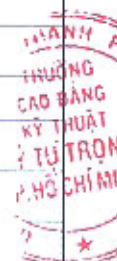
TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
96	Nguyễn Đoàn Sang	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
97	Đặng Hoàng Sơn	14CD-CK2	Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Vật liệu học	21 / 30	70.00%	
			Cơ ứng dụng	27 / 45	60.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	18 / 30	60.00%	
98	Hồ Phạm Hoàng Tâm	14CD-CK2	Vật liệu học	21 / 30	70.00%	
99	Lê Văn Tâm	14CD-CK2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	24 / 30	80.00%	
100	Phùng Quân Thành	14CD-CK2	Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	26 / 30	86.67%	
101	Nguyễn Thanh Thiên	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
102	Lê Văn Thừa	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	25 / 45	55.56%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	10 / 30	33.33%	
103	Hoàng Minh Tiến	14CD-CK2	Cơ ứng dụng	18 / 45	40.00%	
104	Nguyễn Ngọc Tường	14CD-CK2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%	
			Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	12 / 30	40.00%	
105	Trần Thanh Vĩnh	14CD-CK2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Vật liệu học	15 / 30	50.00%	
			Cơ ứng dụng	31 / 45	68.89%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	28 / 30	93.33%	
106	Nguyễn Mộng Vương	14CD-CK2	Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	14 / 30	46.67%	
107	Trần Võ Bình	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
			Cơ ứng dụng	30 / 45	66.67%	
			Vật liệu học	18 / 30	60.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	18 / 30	60.00%	
			Autocad (2D)	12 / 30	40.00%	
108	Trần Xuân Dương	14CD-CK3	Cơ ứng dụng	21 / 45	46.67%	
109	Lê Bá Hậu	14CD-CK3	Cơ ứng dụng	21 / 45	46.67%	
110	Nguyễn Hoàng Hiệp	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Cơ ứng dụng	45 / 45	100.00%	
			Vật liệu học	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	28 / 30	93.33%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
111	Nguyễn Phan <i>Hiếu</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Cơ ứng dụng	45 / 45	100.00%	
			Vật liệu học	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	28 / 30	93.33%	
112	Thân Trọng <i>Hoàng</i>	14CD-CK3	Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
113	Trần Văn <i>Linh</i>	14CD-CK3	Cơ ứng dụng	15 / 45	33.33%	
114	Nguyễn Văn <i>Nhật</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Cơ ứng dụng	45 / 45	100.00%	
			Vật liệu học	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	28 / 30	93.33%	
115	Huỳnh Đại <i>Phát</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Cơ ứng dụng	45 / 45	100.00%	
			Vật liệu học	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	28 / 30	93.33%	
116	Nguyễn Công <i>Phong</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Cơ ứng dụng	45 / 45	100.00%	
			Vật liệu học	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	28 / 30	93.33%	
117	Mai Nguyễn Anh <i>Quân</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
118	Cao <i>Quốc</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Cơ ứng dụng	45 / 45	100.00%	
			Vật liệu học	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	28 / 30	93.33%	
119	Bùi Hà <i>Sang</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Autocad (2D)	16 / 30	53.33%	
			Cơ ứng dụng	39 / 45	86.67%	
120	Lê Đình <i>Thành</i>	14CD-CK3	Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	22 / 30	73.33%	
121	Nguyễn Đức <i>Thiên</i>	14CD-CK3	Cơ ứng dụng	21 / 45	46.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Autocad (2D)	16 / 30	53.33%	
			Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
			Vật liệu học	14 / 30	46.67%	
122	Đàm Quốc <i>Tiến</i>	14CD-CK3	Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	22 / 30	73.33%	
			Autocad (2D)	24 / 30	80.00%	
			Cơ ứng dụng	45 / 45	100.00%	
			Vật liệu học	24 / 30	80.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	26 / 30	86.67%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
123	Lê Trung <i>Tín</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
124	Đỗ Hải <i>Triều</i>	14CD-CK3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Cơ ứng dụng	42 / 45	93.33%	
			Vật liệu học	18 / 30	60.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	22 / 30	73.33%	
			Autocad (2D)	16 / 30	53.33%	
125	Nguyễn Bá Anh <i>Tuấn</i>	14CD-CK3	Cơ ứng dụng	30 / 45	66.67%	
126	Nguyễn Hữu <i>Vinh</i>	14CD-CK3	Vật liệu học	14 / 30	46.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
			Cơ ứng dụng	36 / 45	80.00%	
			Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	12 / 30	40.00%	
127	Mai Lam <i>Vỹ</i>	14CD-CK3	Cơ ứng dụng	15 / 45	33.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	12 / 30	40.00%	
128	Nguyễn Trường <i>An</i>	14CD-Ô1	Công nghệ kim loại	10 / 30	33.33%	
129	Bùi Tuấn <i>Anh</i>	14CD-Ô1	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
130	Huỳnh Anh <i>Bào</i>	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%	
			Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
			Sức bền vật liệu	20 / 30	66.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
131	Nguyễn Tấn <i>Đạt</i>	14CD-Ô1	Cơ lý thuyết	24 / 30	80.00%	Học lại
132	Bùi Tiến <i>Dũng</i>	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
133	Hồ Minh <i>Hoàng</i>	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
134	Lê Minh <i>Hoàng</i>	14CD-Ô1	Vật liệu học	10 / 30	33.33%	
135	Trần Quốc <i>Hùng</i>	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	

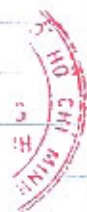
TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
136	Hoàng Thiện Huy	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
137	Lê Ngọc Huy	14CD-Ô1	Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	Học lại
138	Võ Đăng Khoa	14CD-Ô1	Công nghệ kim loại	14 / 30	46.67%	
139	Nguyễn Thành Lâm	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
140	Lê Đình Long	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
			Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	22 / 30	73.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	16 / 30	53.33%	
141	Quảng Duy Mẫn	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	22 / 30	73.33%	
			Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
			Cơ lý thuyết	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	22 / 30	73.33%	
142	Bùi Trọng Nghĩa	14CD-Ô1	Cơ lý thuyết	10 / 30	33.33%	
			Sức bền vật liệu	12 / 30	40.00%	
143	Lưu Khánh Nguyên	14CD-Ô1	Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
144	Trương Ngọc Ninh	14CD-Ô1	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	16 / 30	53.33%	
			Sức bền vật liệu	22 / 30	73.33%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
145	Huỳnh Ngọc Phong	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	22 / 30	73.33%	
			Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
146	Võ Duy Phú	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
147	Nguyễn Đăng Quý	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
148	Nguyễn Văn Minh Sáng	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Vật liệu học	22 / 30	73.33%	
			Công nghệ kim loại	16 / 30	53.33%	
			Cơ lý thuyết	26 / 30	86.67%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	17 / 30	56.67%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
149	Huỳnh Anh Sĩ	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
			Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
			Cơ lý thuyết	10 / 30	33.33%	
150	Nguyễn Hồng Sơn	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
151	Nguyễn Bá Tài	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	24 / 30	80.00%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
152	Lưu Nhật Tân	14CD-Ô1	Cơ lý thuyết	11 / 30	36.67%	
153	Nguyễn Lê Minh Tân	14CD-Ô1	Công nghệ kim loại	20 / 30	66.67%	
154	Hồ Tấn Thành	14CD-Ô1	Công nghệ kim loại	14 / 30	46.67%	
			Cơ lý thuyết	11 / 30	36.67%	
155	Lê Công Thành	14CD-Ô1	Cơ lý thuyết	10 / 30	33.33%	
156	Võ Đoàn Triều	14CD-Ô1	Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
			Cơ lý thuyết	16 / 30	53.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	13 / 30	43.33%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	



TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
157	Nguyễn Anh Tuấn	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Cơ lý thuyết	16 / 30	53.33%	
158	Trần Quốc Tuấn	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
159	Nguyễn Đức Kiến Tường	14CD-Ô1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Động cơ đốt trong	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
160	Đặng Thanh Vinh	14CD-Ô1	Cơ lý thuyết	16 / 30	53.33%	
161	Trần Nam Anh	14CD-Ô2	Công nghệ kim loại	10 / 30	33.33%	
162	Nguyễn Minh Chánh	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
163	Tạ Quân Đạt	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
164	Đào Lê Khương Duy	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
165	Hàn Ngọc Hải	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
166	Ngô Hoàng	Hải	14CD-Ô2	Công nghệ kim loại	13 / 30	43.33%	
167	Dương Minh	Hiếu	14CD-Ô2	Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
				Cơ lý thuyết	14 / 30	46.67%	
				Sức bền vật liệu	14 / 30	46.67%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
168	Hoàng Văn	Hiếu	14CD-Ô2	Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Cơ lý thuyết	26 / 30	86.67%	
				Sức bền vật liệu	24 / 30	80.00%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
169	Dương Quốc	Huy	14CD-Ô2	Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	
170	Nguyễn Trung	Kiên	14CD-Ô2	Cơ lý thuyết	15 / 30	50.00%	Học lại
171	Hà Tuấn	Kiệt	14CD-Ô2	Công nghệ kim loại	10 / 30	33.33%	
172	Lê Minh Vũ	Linh	14CD-Ô2	Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
173	Nguyễn Ngọc	Luân	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
174	Bùi Thanh	Nam	14CD-Ô2	Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
				Cơ lý thuyết	14 / 30	46.67%	
				Sức bền vật liệu	12 / 30	40.00%	
175	Tăng Thái	Nguyễn	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Cơ lý thuyết	26 / 30	86.67%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
176	Đỗ Văn	Phúc	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
				Vật liệu học	14 / 30	46.67%	
				Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	
177	Lê Hồng	Phúc	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
178	Nguyễn Trung	Thạch	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
179	Nguyễn Đức	Thiện	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	



TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
180	Phạm Hoàng Hữu <i>Tín</i>	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
181	Phạm Quang <i>Toàn</i>	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
182	Bùi Vĩnh <i>Trực</i>	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Vật liệu học	10 / 30	33.33%	
183	Bùi Thanh <i>Tuấn</i>	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
184	Nguyễn Văn <i>Tùng</i>	14CD-Ô2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
185	Đặng Tiến <i>Anh</i>	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	18 / 30	60.00%	
			Sức bền vật liệu	18 / 30	60.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
186	Lê Ngô Gia <i>Bảo</i>	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
187	Nguyễn Văn <i>Đức</i>	14CD-Ô3	Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	
188	Nguyễn Ngọc <i>Hào</i>	14CD-Ô3	Vật liệu học	14 / 30	46.67%	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
189	Huỳnh Trung	Hiếu	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
				Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
				Cơ lý thuyết	16 / 30	53.33%	
190	Phan Hồng	Linh	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
				Cơ lý thuyết	20 / 30	66.67%	
				Sức bền vật liệu	20 / 30	66.67%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	25 / 30	83.33%	
				Công nghệ kim loại	20 / 30	66.67%	
191	Đào Thanh	Nhàn	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%	
				Vật liệu học	24 / 30	80.00%	
				Công nghệ kim loại	22 / 30	73.33%	
				Cơ lý thuyết	22 / 30	73.33%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	20 / 30	66.67%	
192	Huỳnh Thiện	Phong	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
				Cơ lý thuyết	20 / 30	66.67%	
				Sức bền vật liệu	18 / 30	60.00%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	12 / 30	40.00%	
193	Huỳnh Thiên	Phúc	14CD-Ô3	Vật liệu học	10 / 30	33.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	13 / 30	43.33%	
194	Bạch Hồng	Thái	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
195	Võ Huy	Tiến	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Sức bền vật liệu	16 / 30	53.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
196	Phan Anh	Toàn	14CD-Ô3	Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	Học lại
197	Nguyễn Bảo	Triều	14CD-Ô3	Cơ lý thuyết	14 / 30	46.67%	Học lại
198	Trương Hiếu	Trung	14CD-Ô3	Cơ lý thuyết	20 / 30	66.67%	Học lại
199	Phạm Duy	Tường	14CD-Ô3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
				Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
				Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
200	Lương Quốc	Anh	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	14 / 30	46.67%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
201	Phạm Quốc	Bảo	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
				Cơ lý thuyết	18 / 30	60.00%	
202	Trần Quốc	Bảo	14CD-Ô4	Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
203	Nguyễn Minh Đạo	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
204	Võ Quốc Đạt	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
205	Việt Thanh Điện	14CD-Ô4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Cơ lý thuyết	15 / 30	50.00%	
206	Nguyễn Ngọc Hải	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	18 / 30	60.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
			Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
			Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	15 / 30	50.00%	
207	Vương Hữu Hiệp	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	10 / 30	33.33%	
			Cơ lý thuyết	16 / 30	53.33%	
			Sức bền vật liệu	14 / 30	46.67%	
208	Trần Minh Hiếu	14CD-Ô4	Cơ lý thuyết	16 / 30	53.33%	
209	Nguyễn Quốc Huy	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	28 / 30	93.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
210	Lâm Xương Phong	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
211	Nguyễn Võ Thiên Phúc	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	14 / 30	46.67%	
			Vật liệu học	12 / 30	40.00%	
			Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	12 / 30	40.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
212	Lê Tấn Sang	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
213	Nguyễn Bảo Sơn	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	22 / 30	73.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%	
			Cơ lý thuyết	14 / 30	46.67%	
			Sức bền vật liệu	12 / 30	40.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
214	Triệu Hoàn Tâm	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	14 / 30	46.67%	
215	Mai Quốc Thắng	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	22 / 30	73.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			Cơ lý thuyết	14 / 30	46.67%	
216	Đặng Đình Tiến	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
217	Võ Thanh Tiến	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	26 / 30	86.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
218	Nguyễn Văn Tinh	14CD-Ô4	Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	
219	Vương Phan Hoàng Triều	14CD-Ô4	Công nghệ kim loại	20 / 30	66.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			Vật liệu học	10 / 30	33.33%	
			Cơ lý thuyết	26 / 30	86.67%	
			Sức bền vật liệu	16 / 30	53.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	20 / 30	66.67%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	

444
 CÔNG
 QUẢN
 THUẬT
 TRỢ
 CHỨC

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
220	Nguyễn Minh Trường	14CĐ-Ô4	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
221	Lê Thanh Minh Tuấn	14CĐ-Ô4	Công nghệ kim loại	18 / 30	60.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			Vật liệu học	14 / 30	46.67%	
			Cơ lý thuyết	16 / 30	53.33%	
			Sức bền vật liệu	12 / 30	40.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	16 / 30	53.33%	
222	Phùng Anh Tuấn	14CĐ-Ô4	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
223	Đào Duy Tùng	14CĐ-Ô4	Công nghệ kim loại	20 / 30	66.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	24 / 30	80.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	28 / 30	93.33%	
224	Trần Thanh Tùng	14CĐ-Ô4	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	
			Vật liệu học	30 / 30	100.00%	
			Cơ lý thuyết	30 / 30	100.00%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
225	Phan Văn Tuấn Anh	14CĐ-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	18 / 30	60.00%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
226	Hồ Tấn	Đạt	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
				Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
				Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
				An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
227	Đinh Ren	Đi	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
				Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
				Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
				An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
228	Trương Công Bảo	Định	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
				Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
				Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
				An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
229	Bùi Công	Đoãn	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	10 / 30	33.33%	
230	Nguyễn Văn	Đổng	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	10 / 30	33.33%	
231	Trần Văn Chấn	Em	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
				Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
				Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
				An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
232	Nguyễn Ngọc	Hường	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	16 / 30	53.33%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
				Vật liệu học	22 / 30	73.33%	
				Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
				Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
				An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
233	Nguyễn Đình	Huy	14CD-Ô5	Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
234	Nguyễn Hồ Ngọc	Huy	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	
				Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
				Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
				Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
				Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
				An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
235	Phạm Nhựt <i>Nam</i>	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
236	Lâm Gia <i>Phú</i>	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
237	Ngô Thanh <i>Quý</i>	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
238	Nguyễn Đình <i>Sang</i>	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	16 / 30	53.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	
			Vật liệu học	20 / 30	66.67%	
			Cơ lý thuyết	18 / 30	60.00%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	14 / 30	46.67%	
			Động cơ đốt trong	21 / 45	46.67%	
239	Phạm Đình <i>Sang</i>	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	18 / 30	60.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	24 / 30	80.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
240	Bùi Văn <i>Toàn</i>	14CD-Ô5	Cơ lý thuyết	10 / 30	33.33%	
241	Nguyễn Văn <i>Toàn</i>	14CD-Ô5	Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	
			Sức bền vật liệu	16 / 30	53.33%	
242	Nguyễn Chánh <i>Tuấn</i>	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	26 / 30	86.67%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
243	Vũ Hữu Tuấn	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	16 / 30	53.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
			Vật liệu học	18 / 30	60.00%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
244	Trần Thanh Tùng	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
245	Hồ Hữu Việt	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	12 / 30	40.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Cơ lý thuyết	12 / 30	40.00%	
246	Đỗ Trần Anh Vũ	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	10 / 30	33.33%	
247	Lê Thái Vương	14CD-Ô5	Công nghệ kim loại	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Cơ lý thuyết	28 / 30	93.33%	
			Sức bền vật liệu	28 / 30	93.33%	
			Anh văn chuyên ngành CNKT Ô tô	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật điện - Điện tử	45 / 45	100.00%	
			An toàn và môi trường công nghiệp	30 / 30	100.00%	
248	Cao Đức Đoan	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Cấu trúc dữ liệu	70 / 75	93.33%	
249	Gặp Thành Huy	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Phân tích và thiết kế hệ thống	45 / 45	100.00%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	60 / 75	80.00%	
			Mạng máy tính và quản trị mạng	60 / 60	100.00%	
250	Huỳnh Chí Khang	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
251	Phan Trí Lộc	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Phân tích và thiết kế hệ thống	45 / 45	100.00%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	60 / 75	80.00%	
			Mạng máy tính và quản trị mạng	60 / 60	100.00%	
252	Nguyễn Duy Phúc	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Phân tích và thiết kế hệ thống	45 / 45	100.00%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	60 / 75	80.00%	
			Mạng máy tính và quản trị mạng	60 / 60	100.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
253	Văn Hồng	Phúc	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%
				Phân tích và thiết kế hệ thống	45 / 45	100.00%
				Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%
				Lập trình quản lý	60 / 75	80.00%
				Mạng máy tính và quản trị mạng	60 / 60	100.00%
254	Phạm Duy	Quang	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%
				Phân tích và thiết kế hệ thống	45 / 45	100.00%
				Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%
				Lập trình quản lý	60 / 75	80.00%
				Mạng máy tính và quản trị mạng	60 / 60	100.00%
255	Nguyễn Thường	Tín	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%
				Phân tích và thiết kế hệ thống	15 / 45	33.33%
				Cấu trúc dữ liệu	55 / 75	73.33%
				Mạng máy tính và quản trị mạng	32 / 60	53.33%
256	Nguyễn Quốc	Tuấn	14CD-TM1	Phân tích và thiết kế hệ thống	15 / 45	33.33%
				Cấu trúc dữ liệu	70 / 75	93.33%
257	Nguyễn Hoàng	Việt	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%
				Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%
				Mạng máy tính và quản trị mạng	36 / 60	60.00%
258	Nguyễn Phú	Vinh	14CD-TM1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%
				Phân tích và thiết kế hệ thống	45 / 45	100.00%
				Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%
				Lập trình quản lý	60 / 75	80.00%
				Mạng máy tính và quản trị mạng	54 / 60	90.00%
259	Nguyễn Minh	Vương	14CD-TM1	Phân tích và thiết kế hệ thống	18 / 45	40.00%
				Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%
260	Nguyễn Hữu	Chiến	14CD-TP1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%
				Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%
				Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%
				Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%
261	Nguyễn Nhật	Hoàng	14CD-TP1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%
				Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%
				Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%
				Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%
262	Trần Đức	Hưng	14CD-TP1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%
				Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%
				Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%
				Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
263	Nguyễn Ngọc Phương	14CD-TP1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
264	Nguyễn Phú Quốc	14CD-TP1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
265	Đinh Ngọc Tiến	14CD-TP1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Cấu trúc dữ liệu	70 / 75	93.33%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
266	Phạm Minh Trung	14CD-TP1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
267	Phan Chí Bảo	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
268	Đào Duy Cẩn	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Cấu trúc dữ liệu	40 / 75	53.33%	
			Lập trình quản lý	40 / 75	53.33%	
			Lập trình hướng đối tượng	40 / 60	66.67%	
269	Nguyễn Ngọc Hải	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
270	Nguyễn Tấn Lộc	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
271	Phan Nhật Long	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
272	Nguyễn Văn Lực	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	

ANH
TƯỞNG
ĐO DẶNG
Y HUẬT
TỰ TRỢ
HỒ CHÍ MINH

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
273	Phạm Trí Nhân	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
274	Lê Minh Nhật	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
275	Đỗ Hồng Quân	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	16 / 30	53.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	50 / 75	66.67%	
			Lập trình quản lý	45 / 75	60.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	45 / 60	75.00%	
276	Đào Thanh Sang	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
277	Huỳnh Văn Tiến Thịnh	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
278	Phạm Minh Thịnh	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
279	Nguyễn Trần Hải Thọ	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	15 / 30	50.00%	
			Lập trình quản lý	45 / 75	60.00%	
280	Phùng Bá Tú	14CD-TP2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Cấu trúc dữ liệu	75 / 75	100.00%	
			Lập trình quản lý	75 / 75	100.00%	
			Lập trình hướng đối tượng	60 / 60	100.00%	
281	Phạm Thị Hiếu	14CD-M1	TT Máy trang phục 1	90 / 90	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Tin học ứng dụng ngành may	26 / 30	86.67%	
			Kỹ năng học và thuyết trình	26 / 30	86.67%	
			Công nghệ may trang phục 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ năng giao tiếp	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CN May	30 / 30	100.00%	
			Nguyên phụ liệu dệt may	30 / 30	100.00%	
			An toàn điện công nghiệp và môi trường	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
282	Dương Nguyên Thu <i>Huế</i>	14CĐ-M1	TT May trang phục 1	90 / 90	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Tin học ứng dụng ngành may	26 / 30	86.67%	
			Kỹ năng học và thuyết trình	26 / 30	86.67%	
			Công nghệ may trang phục 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ năng giao tiếp	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CN May	30 / 30	100.00%	
			Nguyên phụ liệu dệt may	30 / 30	100.00%	
			An toàn điện công nghiệp và môi trường	30 / 30	100.00%	
283	Đặng Nguyễn Thúy <i>Quỳnh</i>	14CĐ-M1	TT May trang phục 1	90 / 90	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Tin học ứng dụng ngành may	26 / 30	86.67%	
			Kỹ năng học và thuyết trình	26 / 30	86.67%	
			Công nghệ may trang phục 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ năng giao tiếp	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CN May	30 / 30	100.00%	
			Nguyên phụ liệu dệt may	30 / 30	100.00%	
			An toàn điện công nghiệp và môi trường	30 / 30	100.00%	
284	Lê Thái <i>Song</i>	14CĐ-M1	TT May trang phục 1	90 / 90	100.00%	
			Tin học ứng dụng ngành may	10 / 30	33.33%	
			Kỹ năng học và thuyết trình	12 / 30	40.00%	
			Công nghệ may trang phục 2	12 / 30	40.00%	
			Kỹ năng giao tiếp	14 / 30	46.67%	
285	Phạm Thị Kim <i>Thơ</i>	14CĐ-M1	Anh văn chuyên ngành CN May	10 / 30	33.33%	
			TT May trang phục 1	90 / 90	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Tin học ứng dụng ngành may	26 / 30	86.67%	
			Kỹ năng học và thuyết trình	26 / 30	86.67%	
			Công nghệ may trang phục 2	26 / 30	86.67%	
			Kỹ năng giao tiếp	30 / 30	100.00%	
			Anh văn chuyên ngành CN May	30 / 30	100.00%	
			Nguyên phụ liệu dệt may	30 / 30	100.00%	
			An toàn điện công nghiệp và môi trường	30 / 30	100.00%	

Tổng cộng danh sách có 285 sinh viên.

am

Đặng Văn...